BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 06/2017/TT-BKHĐT	*Hà Nội, ngày 05 tháng 12 năm 2017*

THÔNG TƯ

Quy định chi tiết việc cung cấp thông tin về đấu thầu, báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu về lựa chọn nhà thầu

Căn cứ Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 86/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Thông tư quy định chi tiết việc cung cấp thông tin về đấu thầu, báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu về lựa chọn nhà thầu như sau:

Chương I

CÁC QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Thông tư này quy định chi tiết việc:

a) Cung cấp thông tin về đấu thầu để phục vụ việc theo dõi, giám sát, đánh giá tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu theo quy định tại Khoản 4 và Khoản 6 Điều 81 Luật đấu thầu;

b) Báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu theo định kỳ hàng năm.

2. Đối tượng áp dụng:

Cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến việc cung cấp thông tin về đấu thầu, báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu về lựa chọn nhà thầu quy định tại Điều 1 Luật đấu thầu, bao gồm:

a) Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương; Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh); Tập đoàn kinh tế nhà nước, Tổng công ty 91;

b) Sở Kế hoạch và Đầu tư, đơn vị được giao nhiệm vụ quản lý về hoạt

động đấu thầu thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, Tập đoàn kinh tế nhà nước, Tổng công ty 91 (sau đây gọi tắt là đơn vị quản lý về đấu thầu);

c) Người có thẩm quyền;

d) Chủ đầu tư;

đ) Bên mời thầu.

Điều 2. Nguyên tắc cung cấp thông tin, báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu

1. Trung thực, khách quan, chính xác, đầy đủ, kịp thời, đúng hạn.

2. Công khai, minh bạch.

3. Thông tin được cung cấp có tính hệ thống, có liên kết và theo trình tự thời gian theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

4. Không chồng chéo, không trùng lặp về phạm vi báo cáo giữa Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

5. Đối với báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu theo định kỳ hàng năm, Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm về tính chính xác và thống nhất của nội dung báo cáo và số liệu báo cáo trên địa bàn, ngành, lĩnh vực quản lý.

6. Trường hợp hạ tầng công nghệ thông tin không đáp ứng yêu cầu của việc báo cáo trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia (sau đây gọi là Hệ thống mạng) theo quy định tại Điều 3 Thông tư này hoặc do yêu cầu về bảo mật theo quy định của pháp luật về bảo mật thì cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm báo cáo phải gửi báo cáo bằng văn bản.

Điều 3. Hình thức cung cấp thông tin và báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu

1. Việc cung cấp các thông tin về đấu thầu theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 1 Thông tư này được thực hiện trên Hệ thống mạng.

2. Báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu theo định kỳ hàng năm theo quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 1 Thông tư này được thực hiện đồng thời theo hai hình thức sau đây:

a) Gửi văn bản (có chữ ký và đóng dấu) qua đường bưu điện;

b) Gửi trên Hệ thống mạng theo lộ trình quy định cụ thể tại Khoản 3 Điều 11 Thông tư này.

Điều 4. Thời hạn báo cáo

1. Thời hạn cung cấp các thông tin về đấu thầu:

a) Việc cung cấp các thông tin về đấu thầu theo quy định tại Điều 6 Thông tư này, trừ thông tin quy định tại điểm b, điểm c Khoản này, được thực hiện trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày có Quyết định hoặc văn bản phê duyệt, ban hành các thông tin đó;

b) Việc cung cấp thông tin xử lý vi phạm pháp luật về đấu thầu được thực hiện trong vòng 02 ngày làm việc kể từ ngày Quyết định xử lý vi phạm pháp luật về đấu thầu được ban hành;

c) Thông báo mời sơ tuyển, thông báo mời quan tâm, thông báo mời thầu, thông báo mời chào hàng, thông báo hủy thầu, thông báo gia hạn, điều chỉnh, đính chính các thông tin đã đăng tải được thực hiện theo tiến độ tổ chức lựa chọn nhà thầu và phải đảm bảo các quy định tương ứng liên quan về thời gian trong đấu thầu theo quy định của pháp luật đấu thầu.

2. Thời hạn báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu theo định kỳ hàng năm:

a) Báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu theo định kỳ hàng năm của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Tập đoàn kinh tế nhà nước, Tổng công ty 91 phải được gửi đến Bộ Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 01 tháng 02 năm tiếp theo của kỳ báo cáo;

b) Báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu trên cả nước theo định kỳ hàng năm do Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp phải được trình Thủ tướng Chính phủ trước ngày 15 tháng 4 năm tiếp theo của kỳ báo cáo.

3. Trường hợp các thời điểm báo cáo nêu trên trùng với ngày nghỉ hàng tuần hoặc nghỉ lễ theo quy định của pháp luật về lao động thì thời điểm báo cáo là ngày làm việc đầu tiên sau ngày nghỉ hoặc thời điểm nghỉ lễ.

Điều 5. Tiếp nhận, quản lý, tổng kết, đánh giá các thông tin về đấu thầu và báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu theo định kỳ hàng năm

Bộ Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm trong việc tiếp nhận, quản lý, đánh giá, tổng kết các thông tin về đấu thầu và báo cáo Thủ tướng Chính phủ tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu trên cả nước theo định kỳ hàng năm.

Chương II

NỘI DUNG VÀ CÁCH THỨC THỰC HIỆN

Mục 1

CUNG CẤP CÁC THÔNG TIN VỀ ĐẤU THẦU

Điều 6. Các thông tin về đấu thầu để phục vụ việc theo dõi, giám sát, đánh giá tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu

1. Các thông tin về đấu thầu để phục vụ việc theo dõi, giám sát, đánh giá

tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu bao gồm:

a) Thông tin về dự án;

b) Kế hoạch lựa chọn nhà thầu;

c) Thông báo mời quan tâm, thông báo mời sơ tuyển;

d) Thông báo mời chào hàng, thông báo mời thầu;

đ) Danh sách ngắn;

e) Kết quả lựa chọn nhà thầu;

g) Hợp đồng;

h) Kiến nghị;

i) Hủy thầu;

k) Thông tin xử lý vi phạm pháp luật về đấu thầu;

l) Kết quả thanh tra, kiểm tra về đấu thầu theo kế hoạch thanh tra, kiểm tra định kỳ đã phê duyệt;

m) Thông tin về nhà thầu nước ngoài trúng thầu tại từng dự án/gói thầu;

n) Thông tin khác có liên quan.

2. Việc cung cấp nội dung chi tiết của các thông tin quy định tại Khoản 1 Điều này được thực hiện theo các biểu mẫu dưới dạng webform trên Hệ thống mạng.

Điều 7. Trách nhiệm cung cấp thông tin và cách thức thực hiện

1. Trách nhiệm cung cấp thông tin:

a) Người có thẩm quyền có trách nhiệm cung cấp các thông tin quy định tại điểm k và điểm n Khoản 1 Điều 6 Thông tư này;

b) Chủ đầu tư đối với dự án, bên mời thầu đối với mua sắm thường xuyên có trách nhiệm cung cấp các thông tin quy định từ điểm a đến điểm i, điểm m và điểm n Khoản 1 Điều 6 Thông tư này;

c) Đơn vị quản lý về đấu thầu có trách nhiệm cung cấp thông tin quy định tại điểm l và điểm n Khoản 1 Điều 6 Thông tư này.

2. Cách thức thực hiện:

Việc cung cấp các thông tin quy định tại Khoản 1 Điều này được thực hiện theo hướng dẫn và các biểu mẫu dưới dạng webform trên Hệ thống mạng.

Mục 2

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN HOẠT ĐỘNG ĐẤU THẦU ĐỊNH KỲ HÀNG NĂM

Điều 8. Nội dung báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu theo

định kỳ hàng năm

1. Các thông tin báo cáo theo quy định tại Điều 9 Thông tư này.

2. Số liệu báo cáo theo quy định tại Điều 10 Thông tư này.

Điều 9. Các thông tin báo cáo

1. Kết quả thực hiện hoạt động đấu thầu trong năm:

a) Kết quả thực hiện hoạt động đấu thầu;

b) Công tác phổ biến, quán triệt việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về đấu thầu;

c) Phân cấp trong đấu thầu;

d) Công tác thanh tra, kiểm tra về đấu thầu;

đ) Công tác đào tạo, bồi dưỡng về đấu thầu;

e) Giải quyết kiến nghị và xử lý vi phạm về đấu thầu;

g) Thông tin về nhà thầu nước ngoài trúng thầu tại các dự án/gói thầu;

h) Các nội dung khác (nếu có).

2. Đánh giá việc thực hiện hoạt động đấu thầu trong năm:

Đánh giá việc thực hiện hoạt động đấu thầu trên địa bàn, ngành, lĩnh vực quản lý của cơ quan, tổ chức theo từng nội dung quy định tại Khoản 1 Điều này, bao gồm:

a) Kết quả đạt được;

b) Hạn chế, tồn tại;

c) Nguyên nhân.

3. Giải pháp và kiến nghị:

Trên cơ sở những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện hoạt động đấu thầu, nêu các kiến nghị, đề xuất và kế hoạch thực hiện cho năm tiếp theo để đảm bảo hiệu quả, hiệu lực trong quản lý và thực hiện hoạt động đấu thầu.

4. Các thông tin báo cáo quy định từ Khoản 1 đến Khoản 3 Điều này được tổng hợp theo hướng dẫn chi tiết tại Phụ lục 1 Thông tư này.

Điều 10. Số liệu báo cáo

1. Số liệu báo cáo về kết quả tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu gồm các nội dung:

a) Kết quả lựa chọn nhà thầu theo mục đích sử dụng vốn;

b) Kết quả lựa chọn nhà thầu theo hình thức lựa chọn nhà thầu;

c) Kết quả lựa chọn nhà thầu theo lĩnh vực đấu thầu;

d) Số liệu về đấu thầu qua mạng.

Các số liệu quy định tại Khoản này được tổng hợp theo mẫu tại Phụ lục 2 Thông tư này.

2. Tổng hợp kết quả việc tuân thủ quy định về báo cáo định kỳ hàng năm của các cơ quan, đơn vị thuộc địa bàn, ngành, lĩnh vực phụ trách.

Số liệu quy định tại Khoản này được tổng hợp theo mẫu tại Phụ lục 3A và 3B Thông tư này.

Điều 11. Trách nhiệm báo cáo, cách thức và lộ trình thực hiện

1. Trách nhiệm báo cáo:

Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Tập đoàn kinh tế nhà nước, Tổng công ty 91 có trách nhiệm báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu trên địa bàn, ngành, lĩnh vực quản lý của mình theo định kỳ hàng năm.

2. Cách thức thực hiện:

a) Đối với báo cáo bằng văn bản:

- Chủ đầu tư, bên mời thầu và Ủy ban nhân dân cấp huyện (trong trường hợp được phân cấp quyết định đầu tư) tổng hợp thông tin, số liệu quy định tại điểm a, đ, e, g và h Khoản 1 Điều 9 và Điều 10 Thông tư này báo cáo đơn vị quản lý về đấu thầu theo yêu cầu về thời hạn báo cáo của các cơ quan này;

- Trên cơ sở báo cáo bằng văn bản của các chủ đầu tư, bên mời thầu và Ủy ban nhân dân cấp huyện thuộc địa bàn, ngành, lĩnh vực quản lý, đơn vị quản lý về đấu thầu tổng hợp thông tin, số liệu theo quy định tại Điều 9 và Điều 10 Thông tư này báo cáo Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Tập đoàn kinh tế nhà nước, Tổng công ty 91 trước ngày 15 tháng 01 năm tiếp theo của kỳ báo cáo;

- Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Tập đoàn kinh tế nhà nước, Tổng công ty 91 tổng hợp, báo cáo bằng văn bản gửi đến Bộ Kế hoạch và Đầu tư theo thời hạn quy định tại điểm a Khoản 2 Điều 4 Thông tư này;

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu trên cả nước trình Thủ tướng Chính phủ theo thời hạn quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 4 Thông tư này.

b) Đối với việc gửi báo cáo và số liệu theo định dạng chuẩn trên Hệ thống mạng:

Việc gửi báo cáo và số liệu theo định dạng chuẩn được thực hiện theo hướng dẫn cụ thể trên Hệ thống mạng nhưng phải đảm bảo tuân thủ thời hạn quy định

tại điểm a Khoản này.

3. Lộ trình thực hiện:

Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Tập đoàn kinh tế nhà nước, Tổng công ty 91 gửi báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu theo định kỳ hàng năm:

a) Theo hai hình thức quy định tại Khoản 2 Điều 3 Thông tư này đối với báo cáo năm 2018 và năm 2019;

b) Trên Hệ thống mạng (gửi số liệu theo định dạng chuẩn trên Hệ thống mạng đồng thời đính kèm tập tin báo cáo bằng văn bản có chữ ký và đóng dấu dưới định dạng file PDF) đối với báo cáo từ năm 2020 trở đi.

Chương III

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

Điều 12. Trách nhiệm của Bộ Kế hoạch và Đầu tư

1. Đôn đốc, giám sát, kiểm tra việc cung cấp thông tin về đấu thầu và báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu trên cả nước theo định kỳ hàng năm trên Hệ thống mạng.

2. Tổng hợp, báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu trên cả nước theo định kỳ hàng năm, đồng thời, thống kê các trường hợp không thực hiện báo cáo hoặc thực hiện không đúng thời hạn, không đảm bảo đầy đủ nội dung theo quy định tại Thông tư này đối với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Tập đoàn kinh tế nhà nước, Tổng công ty 91, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định xử lý.

3. Hướng dẫn triển khai thực hiện việc cung cấp các thông tin về đấu thầu, báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu theo định kỳ hàng năm.

4. Công khai thông tin về báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu theo định kỳ hàng năm trên Hệ thống mạng.

Điều 13. Trách nhiệm của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Tập đoàn kinh tế nhà nước, Tổng công ty 91

1. Tổng hợp, báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu theo định kỳ hàng năm trên địa bàn, ngành, lĩnh vực quản lý, đồng thời, thống kê các trường hợp không thực hiện báo cáo hoặc thực hiện không đúng thời hạn, không đảm bảo đầy đủ nội dung theo quy định tại Thông tư này, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, có biện pháp xử lý kịp thời, phù hợp để chấn chỉnh.

2. Giám sát, kiểm tra việc báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu

theo quy định tại Thông tư này trong phạm vi địa bàn, ngành, lĩnh vực quản lý.

Điều 14. Trách nhiệm của đơn vị quản lý về đấu thầu

1. Báo cáo thông tin đầy đủ, chính xác, đúng hạn theo quy định tại Điều 7 và Điều 11 Thông tư này.

2. Chịu trách nhiệm về tính trung thực của các thông tin và số liệu báo cáo trên Hệ thống mạng.

3. Theo dõi, giám sát, kiểm tra việc cung cấp thông tin về đấu thầu, báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu của chủ đầu tư, bên mời thầu.

4. Thống kê các trường hợp không thực hiện báo cáo hoặc thực hiện không đúng thời hạn, không đảm bảo đầy đủ nội dung, đề xuất biện pháp xử lý gửi cơ quan chủ quản để xem xét, quyết định.

Điều 15. Trách nhiệm của chủ đầu tư, bên mời thầu

1. Báo cáo thông tin đầy đủ, chính xác, đúng hạn theo quy định tại Điều 4, Điều 7 và Điều 11 Thông tư này.

2. Chịu trách nhiệm về tính trung thực của các thông tin và số liệu báo cáo trên Hệ thống mạng.

Chương IV
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 16. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2018.

2. Căn cứ tình hình thực tế, Cục Quản lý đấu thầu, Bộ Kế hoạch và Đầu tư có thể chỉnh sửa các biểu mẫu dưới dạng webform trên Hệ thống mạng nhằm tạo điều kiện thuận lợi hơn cho các chủ thể cung cấp thông tin trên Hệ thống mạng, giảm thủ tục hành chính, đồng thời bảo đảm hiệu quả công tác quản lý nhà nước về đấu thầu.

Điều 17. Xử lý vi phạm

1. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Tập đoàn kinh tế nhà nước, Tổng công ty 91 chịu trách nhiệm trước Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện cung cấp thông tin và báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu theo định kỳ hàng năm theo quy định tại Thông tư này. Đồng thời, thực hiện đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của bộ, ngành, địa phương danh sách các chủ đầu tư, bên mời thầu, cơ quan chuyên trách về đấu thầu không thực hiện đúng yêu cầu về cung cấp thông tin và báo cáo theo quy định tại Thông tư này trên cơ sở báo cáo của đơn vị quản lý về đấu thầu.

2. Đối với báo cáo về tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu theo định kỳ hàng năm, Bộ Kế hoạch và Đầu tư báo cáo Thủ tướng Chính phủ về danh sách các cơ quan, tổ chức thực hiện báo cáo đúng thời hạn và đảm bảo nội dung theo yêu cầu theo Phụ lục 3A; đăng tải công khai trên Hệ thống mạng danh sách các cơ quan, tổ chức không thực hiện báo cáo hoặc thực hiện nhưng không đảm bảo về thời hạn và nội dung theo yêu cầu theo Phụ lục 3B Thông tư này và đề xuất biện pháp chấn chỉnh, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

Điều 18. Tổ chức thực hiện

1. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư này chưa đăng ký trên Hệ thống mạng theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Thông tư liên tịch số 07/2015/TTLT-BKHĐT-BTC ngày 08/9/2015 phải thực hiện việc đăng ký trước ngày 01/3/2018 để phục vụ việc cung cấp thông tin đấu thầu và báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu định kỳ hàng năm.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, Ủy ban nhân dân các cấp và tổ chức, cá nhân có liên quan gửi ý kiến về Bộ Kế hoạch và Đầu tư để kịp thời hướng dẫn./.

BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Chí Dũng

PHỤ LỤC 1

NỘI DUNG THÔNG TIN BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN HOẠT ĐỘNG ĐẤU THẦU HÀNG NĂM

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2017/TT-BKHĐT ngày 05 tháng 12 năm 2017)

1. Kết quả thực hiện hoạt động đấu thầu trong năm:

a) Kết quả thực hiện hoạt động đấu thầu: tổng hợp kết quả thực hiện lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu thuộc dự án và dự toán mua sắm thường xuyên theo hai hình thức đấu thầu không qua mạng và đấu thầu qua mạng (tổng số gói thầu, tổng giá gói thầu, tổng giá trúng thầu và tỷ lệ tiết kiệm theo lĩnh vực đấu thầu; theo hình thức lựa chọn nhà thầu; theo phân loại dự án; theo lựa chọn nhà thầu qua mạng);

b) Công tác phổ biến, quán triệt việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về đấu thầu, bao gồm: kết quả việc phổ biến, quán triệt bằng văn bản; số lượng hội nghị/hội thảo phổ biến, số lượng đại biểu tham gia; số lượng các khóa đào tạo về đấu thầu (cơ bản, nâng cao, đấu thầu qua mạng, theo chuyên đề), số lượng học viên và các hình thức phổ biến, quán triệt khác;

c) Phân cấp trong đấu thầu: bao gồm các văn bản hướng dẫn về phân cấp trong đấu thầu đã ban hành (loại văn bản, cấp ký, thời gian, hiệu lực, phạm vi);

d) Công tác thanh tra, kiểm tra về đấu thầu: bao gồm số lượng các cuộc thanh tra, kiểm tra (gồm các cuộc kiểm tra chuyên sâu về đấu thầu, các cuộc thanh tra, kiểm tra được lồng ghép nội dung về đấu thầu) và các vấn đề chính được phát hiện qua thanh tra, kiểm tra;

đ) Công tác đào tạo, bồi dưỡng về đấu thầu: Đội ngũ cán bộ tham gia hoạt động đấu thầu, bao gồm: tổng số lượng cán bộ tham gia hoạt động đấu thầu, số lượng cán bộ có chứng chỉ, chứng nhận đã tham gia khóa học đấu thầu và đấu thầu qua mạng;

e) Giải quyết kiến nghị và xử lý vi phạm về đấu thầu, bao gồm: số lượng văn bản kiến nghị nhận được, cách thức và kết quả giải quyết kiến nghị và xử lý vi phạm về đấu thầu (tổng số tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm, hình thức xử lý vi phạm, công khai xử lý vi phạm);

g) Thông tin về nhà thầu nước ngoài trúng thầu tại các dự án/gói thầu, bao gồm: số lượng, quốc tịch nhà thầu, giá trị trúng thầu;

h) Các nội dung khác (nếu có).

2. Đánh giá việc thực hiện hoạt động đấu thầu trong năm:

Đánh giá việc thực hiện hoạt động đấu thầu trên địa bàn, ngành, lĩnh vực quản lý của cơ quan, đơn vị theo từng nội dung nêu tại Khoản 1 Điều này, bao gồm:

a) Kết quả đạt được;

b) Hạn chế, tồn tại;

c) Nguyên nhân.

3. Giải pháp và kiến nghị:

Trên cơ sở những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện hoạt động đấu thầu, nêu các kiến nghị, đề xuất và kế hoạch thực hiện cho năm tiếp theo để đảm bảo hiệu quả, hiệu lực trong quản lý và thực hiện hoạt động đấu thầu.

PHỤ LỤC 2

CÁC BIỂU MẪU TỔNG HỢP THÔNG TIN TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN HOẠT ĐỘNG ĐẤU THẦU HÀNG NĂM

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2017/TT-BKHĐT ngày 05 tháng 12 năm 2017)

Biểu 1. Báo cáo tổng hợp kết quả lựa chọn nhà thầu dự án sử dụng vốn nhà nước năm.... *[điền năm báo cáo]* theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 và Khoản 4 Điều 1 Luật đấu thầu số 43/2013/QH13.

Biểu 2. Báo cáo tổng hợp kết quả lựa chọn nhà thầu các gói thầu sử dụng nguồn vốn mua sắm thường xuyên năm ... *[điền năm báo cáo]* theo quy định tại điểm d, đ, e và g Khoản 1 Điều 1 Luật đấu thầu số 43/2013/QH13.

Biểu 3. Báo cáo tổng hợp kết quả lựa chọn nhà thầu dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ năm.... *[điền năm báo cáo]* thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật đấu thầu số 43/2013/QH13.

Biểu 1

BÁO CÁO TỔNG HỢP KẾT QUẢ LỰA CHỌN NHÀ THẦU

DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NHÀ NƯỚC NĂM… *[điền năm báo cáo]* THEO QUY ĐỊNH TẠI KHOẢN 1, KHOẢN 2 VÀ KHOẢN 4 ĐIỀU 1 LUẬT ĐẤU THẦU SỐ 43/2013/QH13

Đơn vị: Triệu đồng

LĨNH VỰC VÀ HÌNH THỨC			Dự án quan trọng quốc gia do Quốc hội chủ trương đầu tư (1)				Dự án nhóm A (2)				Dự án nhóm B (3)				Dự án nhóm C (4)				Cộng (1 + 2 + 3 + 4)			
			Tổng số gói thầu	Tổng giá gói thầu	Tổng giá trúng thầu	Chênh lệch	Tổng số gói thầu	Tổng giá gói thầu	Tổng giá trúng thầu	Chênh lệch	Tổng số gói thầu	Tổng giá gói thầu	Tổng giá trúng thầu	Chênh lệch	Tổng số gói thầu	Tổng giá gói thầu	Tổng giá trúng thầu	Chênh lệch	Tổng số gói thầu	Tổng giá gói thầu	Tổng giá trúng thầu	Chênh lệch
I. THEO LĨNH VỰC ĐẤU THẦU																						
1. Phi tư vấn		KQM																				
		QM																				
2. Tư vấn		KQM																				
		QM																				
3. Mua sắm hàng hóa		KQM																				
		QM																				
4. Xây lắp		KQM																				
		QM																				
5. Hỗn hợp		KQM																				
		QM																				
Tổng cộng I																						
II. THEO HÌNH THỨC LỰA CHỌN NHÀ THẦU																						
1. Rộng rãi	Trong nước	KQM																				
		QM																				
	Quốc tế	KQM																				
2. Hạn chế	Trong nước	KQM																				
		QM																				
	Quốc tế	KQM																				
3. Chỉ định thầu	Trong nước	KQM																				
	Quốc tế	KQM																				
4. Chào hàng cạnh tranh	Trong nước	KQM																				
		QM																				
	Quốc tế	KQM																				
5. Mua sắm trực tiếp	Trong nước	KQM																				
	Quốc tế	KQM																				
6. Tự thực hiện	Trong nước	KQM																				
7. Đặc biệt	Trong nước	KQM																				
	Quốc tế	KQM																				
8. Tham gia thực hiện của cộng đồng	Trong nước	KQM																				
Tổng cộng II																						

Ghi chú: ***Số liệu tổng hợp tại Biểu này bao gồm các gói thầu sử dụng vốn đối ứng trong dự án ODA***

**** Riêng đối với các gói thầu sử dụng nguồn mua sắm thường xuyên quy định tại điểm d và các điểm đ, e, g khoản 1 Điều 1 Luật Đấu thầu năm 2013 thì không báo cáo tại Biểu này mà báo cáo tại Biểu 2***

KQM: Lựa chọn nhà thầu thông thường (không thực hiện qua mạng)

QM: Lựa chọn nhà thầu qua mạng

_____,ngày_____tháng_____năm

Người báo cáo

(tên, số điện thoại, địa chỉ email)

Biểu 2

BÁO CÁO TỔNG HỢP KẾT QUẢ LỰA CHỌN NHÀ THẦU
CÁC GÓI THẦU SỬ DỤNG NGUỒN VỐN MUA SẮM THƯỜNG XUYÊN NĂM ... *[điền năm báo cáo]* THEO
QUY ĐỊNH TẠI ĐIỂM D, Đ, E VÀ G KHOẢN 1 ĐIỀU 1 LUẬT ĐẤU THẦU SỐ 43/2013/QH13

Đơn vị: Triệu đồng

LĨNH VỰC VÀ HÌNH THỨC			Tổng số gói thầu	Tổng giá gói thầu	Tổng giá trúng thầu	Chênh lệch
I. THEO LĨNH VỰC ĐẤU THẦU						
1. Phi tư vấn		KQM				
		QM				
2. Tư vấn		KQM				
		QM				
3. Mua sắm hàng hóa		KQM				
		QM				
4. Xây lắp		KQM				
		QM				
Tổng cộng I						
II. THEO HÌNH THỨC LỰA CHỌN NHÀ THẦU						
1. Rộng rãi	Trong nước	KQM				
		QM				
	Quốc tế	KQM				
2. Hạn chế	Trong nước	KQM				
		QM				
	Quốc tế	KQM				
3. Chỉ định thầu	Trong nước	KQM				
	Quốc tế	KQM				
4. Chào hàng cạnh tranh	Trong nước	KQM				
		QM				
	Quốc tế	KQM				
5. Mua sắm trực tiếp	Trong nước	KQM				
	Quốc tế	KQM				
6. Tự thực hiện	Trong nước	KQM				
7. Đặc biệt	Trong nước	KQM				
	Quốc tế	KQM				
8. Tham gia thực hiện của cộng đồng	Trong nước	KQM				
Tổng cộng II						

Ghi chú: Số liệu tổng hợp tại Biểu này bao gồm gói thầu dùng vốn đối ứng trong dự án ODA đã được cân đối trong nguồn chi thường xuyên
KQM: Lựa chọn nhà thầu thông thường (không thực hiện qua mạng)
QM: Lựa chọn nhà thầu qua mạng

_____, ngày _____ tháng _____ năm

Người báo cáo
(tên, số điện thoại, địa chỉ email)

Biểu 3

BÁO CÁO TỔNG HỢP KẾT QUẢ LỰA CHỌN NHÀ THẦU

DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN ODA, VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA NHÀ TÀI TRỢ NĂM ... ***[điền năm báo cáo]*** **THUỘC PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH CỦA LUẬT ĐẤU THẦU SỐ 43/2013/QH13**

Đơn vị: Triệu đồng

LĨNH VỰC VÀ HÌNH THỨC			Dự án quan trọng quốc gia do Quốc hội chủ trương đầu tư (1)				Dự án nhóm A (2)				Dự án nhóm B (3)				Dự án nhóm C (4)				Cộng (1 + 2 + 3 + 4)			
			Tổng số gói thầu	Tổng giá gói thầu	Tổng giá trúng thầu	Chênh lệch	Tổng số gói thầu	Tổng giá gói thầu	Tổng giá trúng thầu	Chênh lệch	Tổng số gói thầu	Tổng giá gói thầu	Tổng giá trúng thầu	Chênh lệch	Tổng số gói thầu	Tổng giá gói thầu	Tổng giá trúng thầu	Chênh lệch	Tổng số gói thầu	Tổng giá gói thầu	Tổng giá trúng thầu	Chênh lệch
I. THEO LĨNH VỰC ĐẤU THẦU																						
1. Phi tư vấn		KQM																				
		QM																				
2. Tư vấn		KQM																				
		QM																				
3. Mua sắm hàng hóa		KQM																				
		QM																				
4. Xây lắp		KQM																				
		QM																				
5. Hỗn hợp		KQM																				
		QM																				
Tổng cộng I																						
II. THEO HÌNH THỨC LỰA CHỌN NHÀ THẦU																						
1. Rộng rãi (ICS,QCBS, QBS, FBS, LCS, CQS, ICB, NCB...)	Trong nước	KQM																				
		QM																				
	Quốc tế	KQM																				
2. Hạn chế (LIB...)	Trong nước	KQM																				
		QM																				
	Quốc tế	KQM																				
3. Chỉ định thầu (SSS, Direct contracting...)	Trong nước	KQM																				
	Quốc tế	KQM																				
4. Chào hàng cạnh tranh (shopping)	Trong nước	KQM																				
		QM																				
	Quốc tế	KQM																				
5. Mua sắm trực tiếp (repeat order)	Trong nước	KQM																				
	Quốc tế	KQM																				
6. Tự thực hiện (force account)	Trong nước	KQM																				
7. Tham gia thực hiện của cộng đồng	Trong nước	KQM																				
Tổng cộng II																						

**** Ghi chú:***

Phần đối ứng ngân sách nhà nước của các dự án này, đề nghị tổng hợp số liệu vào Biểu 1

Nguồn vốn ODA và vay ưu đãi đã được cân đối trong chi thường xuyên, đề nghị tổng hợp số liệu vào Biểu 2

KQM: Lựa chọn nhà thầu thông thường (không thực hiện qua mạng)

QM: Lựa chọn nhà thầu qua mạng

_____,ngày_____tháng_____năm

Người báo cáo

(tên, số điện thoại, địa chỉ email)

PHỤ LỤC 3A

DANH SÁCH CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC THỰC HIỆN BÁO CÁO ĐÚNG THỜI HẠN VÀ ĐẢM BẢO NỘI DUNG THEO YÊU CẦU

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 06 /2017/TT-BKHĐT ngày 05 tháng 12 năm 2017)

STT	TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC THỰC HIỆN BÁO CÁO ĐÚNG THỜI HẠN VÀ ĐẢM BẢO NỘI DUNG THEO YÊU CẦU
1	
2	
3	
4	
5	
6	
7	
8	
9	
10	
…	

PHỤ LỤC 3B

DANH SÁCH CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC KHÔNG THỰC HIỆN BÁO CÁO HOẶC THỰC HIỆN NHƯNG KHÔNG ĐẢM BẢO VỀ THỜI HẠN VÀ NỘI DUNG THEO YÊU CẦU

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06 /2017/TT-BKHĐT ngày 05 tháng 12 năm 2017)

STT	TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC	KHÔNG BÁO CÁO	BÁO CÁO KHÔNG ĐẢM BẢO VỀ THỜI HẠN VÀ NỘI DUNG THEO YÊU CẦU
1			
2			
3			
4			
5			
6			
7			
8			
9			
10			
....			